TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Đỗ Xuân Quyết

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Tổ 5, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lin B; nơi cư trú: Căn hộ D, Tầng 5, Toà nhà Tin Wah, Số 38-44 đường Chuen Lung, Tsuen Wan, Tân Giới, Đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Năm 2018, chị Nguyễn Thị A và anh Lin B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Chị A và anh Lin B có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) quận Dương

Kinh, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2018. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, anh Lin B đã trở về Hồng Kông, còn chị sinh sống ở Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên vợ chồng ngày càng ít liên lạc, tình cảm dần phai nhạt dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị A thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lin B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lin B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lin B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Lin B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Lin B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 19 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng đã nhận được kết quả tống đạt của Bộ Tư pháp, theo đó thì Cơ quan có thẩm quyền của Hồng Kông không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ của anh Lin B không xác định. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hồng Kông và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị A và anh Lin B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tại UBND quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2018 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, anh chị đã ly thân một thời gian dài, chị A đã không còn tình cảm vợ chồng với anh Lin B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Lin B. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A xác nhận chị và anh Lin B không có, không yêu cầu nên không phải giải

quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A xác nhận chị và anh Lin B không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Lin B hiện đang sinh sống tại Hồng Kông, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lin B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị và anh Lin B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A kết hôn với anh Lin B và có đăng ký kết hôn tại tại UBND quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2018. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A trình bày sau anh Lin B đã trở về Hồng Kông, còn chị sinh sống ở Việt Nam. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng ngày càng ít liên lạc, tình cảm dần phai nhạt. Chị A xác định không còn tình cảm với anh Lin B nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị A hôn với anh Lin B. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, anh chị đã ly thân một thời gian dài, đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Lin B.

[4] Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh Lin B không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A xác nhận chị và anh Lin B không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A và anh Lin B được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Lin B.

2. Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh Lin B không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị A xác nhận chị và anh Lin B không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000340 ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lin B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Dương Kinh, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Minh Nguyệt - Phạm Mạnh Hùng **Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp